TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **68**/2020/QĐST-VHNGĐ	*B, ngày 03 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 676/2020/TLST - VHNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- **Anh Bùi Quý L, sinh năm 1993.**

-Chị Nguyễn Phương A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 52B đường T, phố P, quận B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 22/9/2014 của UBND phường T, quận B, thành phố H.

[2] Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Cụ thể:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Quý L xác định tình cảm không còn nên thuận tình ly hôn.

-Về con chung*:* Anh chị có có hai con chung là cháu Bùi Xuân N, sinh ngày 06/9/2013 và cháu Bùi Linh N, sinh ngày 31/8/2014. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận anh L là người trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi các cháu trưởng thành có

khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Phương A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản chung và vay nợ: Anh chị không có tài sản chung cũng như không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về lệ phí**:** Anh chị tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa*: Chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Quý L.

- *Về con chung*: Anh chị có có hai con chung là cháu Bùi Xuân N, sinh ngày 06/9/2013 và cháu Bùi Linh N, sinh ngày 31/8/2014. Sau khi ly hôn, anh L là người trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi các cháu trưởng thành có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Phương A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

-*Về tài sản chung và vay nợ*: Anh chị không có tài sản chung cũng như không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về lệ phí***:** Anh chị tự nguyện chịu cả 300.000*(Ba trăm nghìn)* đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lại thu số AA/2018/024064 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H. Anh chị đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- UBND phường T
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ Vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Đình Trung